| | | TPHCM | | THPT NH | | so sánh tỷ lệ |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | **Số lượng** | **Tỷ lệ** | **Số lượng** | **Tỷ lệ** | |
| **Văn** | Tổng số thí sinh | 85061 | | 381 | | |
| | Điểm trung bình | 6.48 | | 6.94 | | **0.46** |
| | Số thí sinh đạt điểm >=8 | 5104 | 6.01% | 48 | 12.60 | **6.59** |
| | Số thí sinh đạt điểm trung bình trở lên (>=5) | 79675 | 93.67% | 373 | 97.90 | **4.23** |
| | Điểm số có nhiều thí sinh đạt nhất | 7 | | | | |
| **Toán** | Tổng số thí sinh | 85956 | | 381 | | |
| | Điểm trung bình | 7.16 | | 7.48 | | **0.32** |
| | Số thí sinh đạt điểm >=8 | 26621 | 30.98% | 134 | 35.17 | **4.19** |
| | Số thí sinh đạt điểm trung bình trở lên (>=5) | 81041 | 94.29% | 380 | 99.74 | **5.45** |
| | Điểm số có nhiều thí sinh đạt nhất | 7.6 | | | | |
| **Lý** | Tổng số thí sinh | 50731 | | 274 | | |
| | Điểm trung bình | 6.28 | | 6.62 | | **0.34** |
| | Số thí sinh đạt điểm >=8 | 5795 | 11.43% | 27 | 9.85 | **-1.58** |
| | Số thí sinh đạt điểm trung bình trở lên (>=5) | 42833 | 84.44% | 258 | 94.16 | **9.72** |
| | Điểm số có nhiều thí sinh đạt nhất | 6.25 | | | | |
| **Hóa** | Tổng số thí sinh | 51014 | | 274 | | |
| | Điểm trung bình | 6.53 | | 6.73 | | **0.20** |
| | Số thí sinh đạt điểm >=8 | 9670 | 18.96% | 37 | 13.50 | **-6.46** |
| | Số thí sinh đạt điểm trung bình trở lên (>=5) | 43582 | 85.44% | 257 | 93.80 | **8.36** |
| | Điểm số có nhiều thí sinh đạt nhất | 7.5 | | | | |
| **Sinh** | Tổng số thí sinh | 50672 | | 274 | | |
| | Điểm trung bình | 5.58 | | 5.4 | | **-0.18** |
| | Số thí sinh đạt điểm >=8 | 3054 | 6.03% | 9 | 3.28 | **-2.75** |
| | Số thí sinh đạt điểm trung bình trở lên (>=5) | 34750 | 68.58% | 178 | 64.96 | **-3.62** |
| | Điểm số có nhiều thí sinh đạt nhất | 5.5 | | | | |
| **Sử** | Tổng số thí sinh | 34550 | | 107 | | |
| | Điểm trung bình | 5.27 | | 6.2 | | **0.93** |
| | Số thí sinh đạt điểm >=8 | 2273 | 6.58% | 16 | 14.95 | **8.37** |
| | Số thí sinh đạt điểm trung bình trở lên (>=5) | 19751 | 57.17% | 84 | 78.50 | **21.33** |
| | Điểm số có nhiều thí sinh đạt nhất | 5.25 | | | | |
| **Địa** | Tổng số thí sinh | 34146 | | 107 | | |
| | Điểm trung bình | 7.07 | | 7.42 | | **0.35** |
| | Số thí sinh đạt điểm >=8 | 7686 | 22.51% | 41 | 38.32 | **15.81** |
| | Số thí sinh đạt điểm trung bình trở lên (>=5) | 33314 | 97.57% | 107 | 100.00 | **2.43** |
| | Điểm số có nhiều thí sinh đạt nhất | 7.25 | | | | |
| **GDCD** | Tổng số thí sinh | 28157 | | 107 | | |
| | Điểm trung bình | 8.59 | | 9.14 | | **0.55** |
| | Số thí sinh đạt điểm >=8 | 22305 | 79.22% | 99 | 92.52 | **13.3** |
| | Số thí sinh đạt điểm trung bình trở lên (>=5) | 28104 | 99.82% | 107 | 100.00 | **0.18** |
| | Điểm số có nhiều thí sinh đạt nhất | 9.25 | | | | |
| **Anh** | Tổng số thí sinh | 75358 | | 379 | | |
| | Điểm trung bình | 7.23 | | 8.17 | | **0.94** |
| | Số thí sinh đạt điểm >=8 | 35095 | 46.58% | 231 | 60.95 | **14.37** |
| | Số thí sinh đạt điểm trung bình trở lên (>=5) | 63652 | 84.47% | 372 | 98.15 | **13.68** |
| | Điểm số có nhiều thí sinh đạt nhất | 9.2 | | | | |